

QUYẾT ĐỊNH**Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2****HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai;

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quy trình thực hiện công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN và báo cáo UBCKNN cho các đối tượng tham gia thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định 515/QĐ-UBCK của UBCKNN ngày 25 tháng 06 năm 2012

Căn cứ Quy trình thực hiện công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN cho các đối tượng tham gia thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định 1078/QĐ-UBCK ngày 13 tháng 12 năm 2012 của UBCKNN về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 515/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN ban hành kèm theo Quyết định 296/QĐ-UBCK ngày 31 tháng 03 năm 2017.

Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016;

Căn cứ Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán của TTLKCK ban hành kèm theo Quyết định số 197/QĐ-VSD ngày 29 tháng 9 năm 2017;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Đầu tư Xây dựng 3-2;

Theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐQT ngày 23/10/2018 của Hội đồng quản trị CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Công bố thông tin tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và bãi bỏ các Quyết định trước đây trái với quy định này.

Điều 3. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng, ban chức năng, đơn vị trực thuộc và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, TK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Võ Văn Lãnh

QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN CTCP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2
(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-HĐQT
ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Hội đồng quản trị)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này hướng dẫn việc công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 (sau đây gọi tắt là CIC3-2) với các cơ quan có thẩm quyền và trên thị trường chứng khoán, trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các Phòng ban, các đơn vị trực thuộc và cá nhân thuộc Công ty trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng cho CIC3-2 và tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban và cá nhân trực thuộc CIC3-2; nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT theo quy định pháp luật và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt

1. *UBCKNN*: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
2. *SGDCK*: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
3. *TTLKCK*: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
4. *CIC3-2*: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2
5. *C32*: Mã chứng khoán của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2
6. *DHDCĐ*: Đại hội đồng cổ đông
7. *HDQT*: Hội đồng quản trị
8. *TGD*: Tổng Giám đốc
9. *Website CIC3-2*: Trang thông tin điện tử (website) của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2
10. *CBTT*: Công bố thông tin.

11. *Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin gồm*: Người nội bộ của CIC3-2 và người có liên quan của người nội bộ; cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của CIC3-2; cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng; nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua

vào để trở thành cổ đông lớn của CIC3-2; tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của CIC3-2.

12. *Người nội bộ của CIC3-2 là:*

- a. Thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ;
- c. Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh CIC3-2 ký kết giao dịch của CIC3-2 theo quy định tại Điều lệ công ty;
- d. Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính kế toán, người phụ trách kế toán;
- e. Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.

13. *Người có liên quan, nhóm người/nhóm nhà đầu tư có liên quan:* Là cá nhân, tổ chức hoặc nhóm người có liên quan với nhau trong các trường hợp sau đây:

- a. Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
- b. Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
- d. Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
- e. Công ty mẹ, công ty con;
- f. Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

14. *Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của CIC3-2:* Là số cổ phiếu có quyền biểu quyết đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được CIC3-2 mua lại làm cổ phiếu quỹ.

15. *Đơn vị trực thuộc:* Các Xí nghiệp hạch toán phụ thuộc nằm trong cơ cấu của CIC3-2.

16. *Đơn vị thành viên:* Các công ty con, công ty liên kết của CIC3-2.

17. *Người công bố thông tin:* Là người đại diện theo pháp luật của CIC3-2 hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của CIC3-2 phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

18. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin:* Là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của SGDCK hoặc ngày SGDCK nhận được văn bản báo cáo theo dấu công văn đến của SGDCK tùy theo thời điểm nào đến trước.

19. *Ngày giao dịch và ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:*

- a. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

b. Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

c. Đối với quyền mua chứng khoán đã lưu ký: ngày thực hiện giao dịch là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng quyền mua tại Thành viên lưu ký; ngày hoàn tất giao dịch chuyển nhượng quyền mua là ngày TTLKCKVN xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng quyền mua;

d. Đối với quyền mua chứng khoán chưa lưu ký: ngày thực hiện giao dịch là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng quyền mua tại tổ chức phát hành; ngày hoàn tất giao dịch là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng;

e. Đối với trái phiếu chuyển đổi chưa niêm yết: ngày thực hiện giao dịch là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng trái phiếu tại Thành viên lưu ký (đối với trái phiếu đã đăng ký tại TTLKCKVN) hoặc tại tổ chức phát hành (đối với trái phiếu chưa đăng ký tại TTLKCKVN); ngày hoàn tất giao dịch là ngày TTLKCKVN (đối với trái phiếu đã đăng ký tại TTLKCKVN) hoặc tổ chức phát hành (đối với trái phiếu chưa đăng ký tại TTLKCKVN) xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:

a. CIC3-2 phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó theo mẫu CBTT/SGDHCM-02 kèm theo Quy chế công bố thông tin của SGDCK và gửi kèm công văn đính chính;

b. Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, CIC3-2 phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK;

c. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thẻ liên quan đồng ý. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN, SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin;

2. CIC3-2 thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của đơn vị mình đồng thời gửi thông tin công bố đến SGDCK, UBCKNN để báo cáo và công bố thông tin trên website của SGDCK, UBCKNN. Thông tin công bố trên website nêu rõ thời điểm (ngày, giờ) công bố thông tin.

3. CIC3-2 có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

a. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của CIC3-2 tối thiểu là 05 năm;

b. Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của CIC3-2 trong tối thiểu 05 năm.

4. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Khuyến khích công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo hướng dẫn tại Quy chế của SGDCK, UBCKNN. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

5. CIC3-2 đăng ký thông tin liên hệ trong trường hợp thay đổi thông tin liên hệ hoặc đăng ký lại trong thời hạn 24 giờ trước khi sự thay đổi thông tin liên hệ có hiệu lực theo mẫu CBTT/SGDHCM-01 kèm theo Quy chế công bố thông tin của SGDCK.

6. CIC3-2 công bố thông tin (định kỳ/bất thường/theo yêu cầu) theo mẫu CBTT/SGDHCM-02 kèm theo Quy chế công bố thông tin của SGDCK và gửi kèm công văn thông tin công bố; đồng thời công bố thông tin trên Hệ thống IDS Plus của UBCKNN.

7. Việc công bố thông tin thực hiện theo đúng mẫu và bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC, Quy chế công bố thông tin của SGDCK và các quy định pháp luật khác có liên quan. Ngôn từ trong thông tin công bố cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho nhà đầu tư.

8. Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của UBCKNN/cơ quan có thẩm quyền, CIC3-2 thực hiện công bố thông tin theo quy định kể từ khi ban hành nghị quyết/quyết định và trong vòng 24 giờ kể từ khi tổ chức nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của UBCKNN/cơ quan có thẩm quyền khác.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin:

1. CIC3-2 thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của CIC3-2.

a. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.

b. Khi có sự thay đổi về người thực hiện công bố thông tin, người đại diện theo pháp luật, CIC3-2 phải đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC cùng với Bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC cho UBCKNN, SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đại chúng, thành viên lưu ký, TTLKCK hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

a. Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;

b. Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Nhà đầu tư cá nhân đăng ký, đăng ký lại người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC cùng Bản cung cấp thông tin của nhà đầu tư cá nhân đó và của người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo 155/2015/TT-BTC (trường hợp người được ủy quyền công bố thông tin là cá nhân) cho UBCKNN, SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

3. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư 155/2015/TT-BTC và pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 5. Phương tiện công bố thông tin:

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

- a. Trang thông tin điện tử (website) của CIC3-2;
- b. Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (IDS Plus);
- c. Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

2. CIC3-2 phải lập trang thông tin điện tử theo quy định sau:

a. CIC3-2 phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;

b. Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC;

c. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, CIC3-2 thực hiện công bố thông tin trên website của CIC3-2 và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

4. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, trang thông tin điện tử của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

Điều 6. Hình thức công bố thông tin:

1. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

- a. Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
 - b. Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu, ký số (nếu có).
2. Đối với tài liệu là dữ liệu điện tử:
- a. Dữ liệu điện tử gửi đến SGDCK thông qua địa chỉ email đã đăng ký hoặc phương tiện khác do SGDCK qui định.
 - b. Dữ liệu điện tử gửi đến UBCKNN thông qua hệ thống IDS Plus đã đăng ký.
 - c. Thông tin công bố là bản scan văn bản đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều này có định dạng PDF và ký số (nếu có) kèm theo file mẫu được tải về từ hệ thống IDS Plus được định dạng file Excel, font chữ Unicode TCVN 6909:2001.
 - d. Dữ liệu phục vụ thống kê, giám sát gửi cho SGDCK là dữ liệu điện tử định dạng word/excel sử dụng bảng mã Unicode.

e. Dung lượng tối đa của dữ liệu điện tử là 15 MB, trường hợp dung lượng của dữ liệu điện tử lớn hơn mức tối đa, CIC3-2 cung cấp đường dẫn đến địa chỉ trang thông tin điện tử có đăng tải toàn bộ nội dung thông tin công bố.

3. CIC3-2 chuyển văn bản hợp lệ đến SGDCK và UBCKNN qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp theo quy định. Trường hợp CIC3-2 gửi thông tin qua fax/ email/ hệ thống thông tin điện tử của SGDCK, IDS Plus của UBCKNN, CIC3-2 đồng thời gửi văn bản hợp lệ đến SGDCK, UBCKNN theo hướng dẫn.

4. Trường hợp có thay đổi địa chỉ website CIC3-2 hoặc website CIC3-2 xảy ra sự cố dẫn đến gián đoạn thông tin công bố đến nhà đầu tư, CIC3-2 thông báo bằng văn bản đến SGDCK và UBCKNN nêu rõ thời gian thay đổi và địa chỉ của website CIC3-2 mới, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục sự cố dẫn đến gián đoạn thông tin trong thời gian sớm nhất cho SGDCK và UBCKNN.

5. CIC3-2 thực hiện công bố thông tin đến SGDCK và UBCKNN qua Cổng công bố thông tin điện tử và qua hệ thống IDS Plus theo nguyên tắc:

a. Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đăng ký bao gồm tên truy cập và mật khẩu để công bố thông tin đến UBCKNN, SGDCK.

b. Thực hiện công bố thông tin theo đúng hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin:

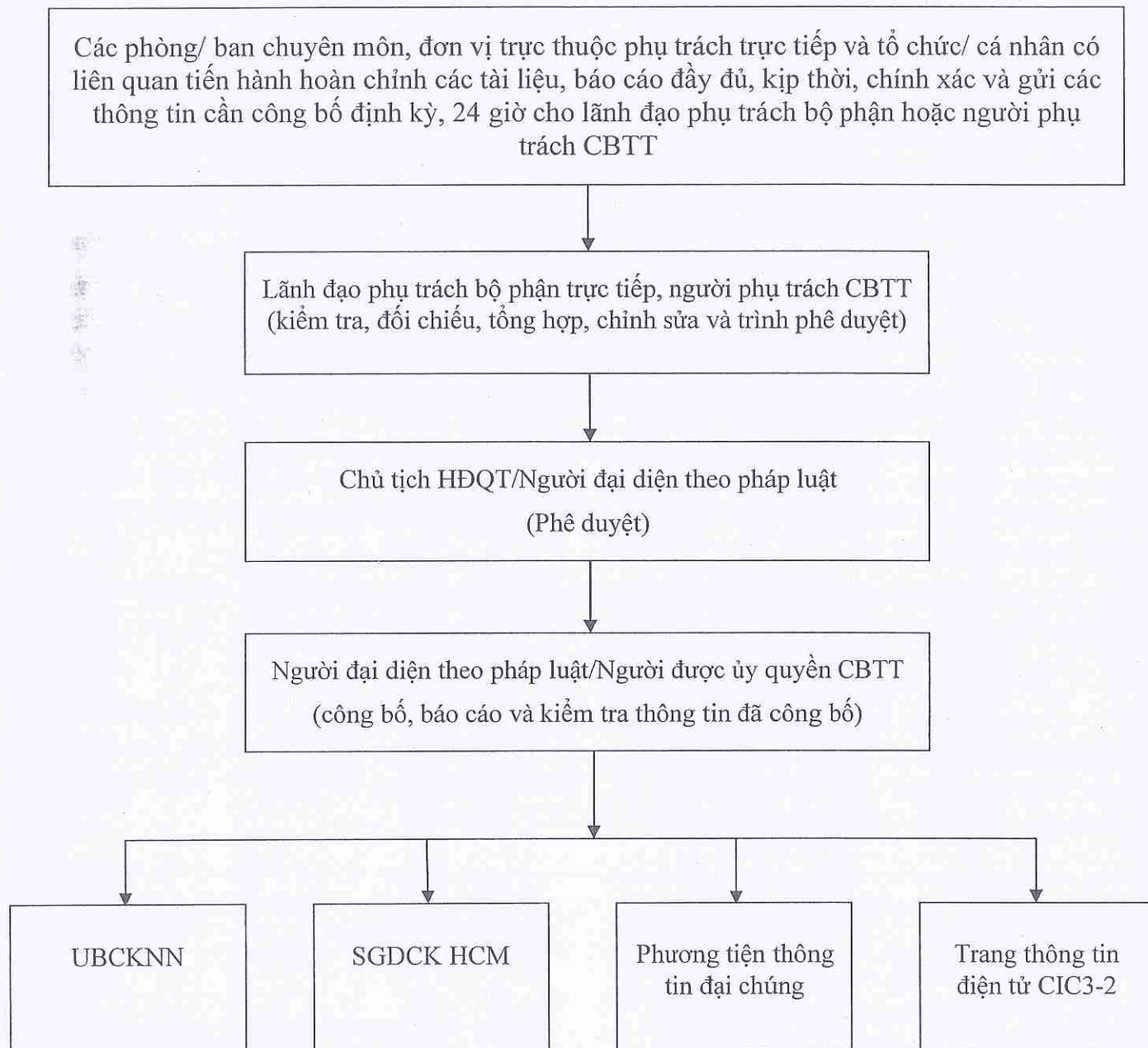
1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn,...). Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương II
QUY TRÌNH XỬ LÝ, CÔNG BỐ VÀ LƯU TRỮ THÔNG TIN

Điều 8. Sơ đồ quy trình công bố thông tin của CIC3-2:

1. Sơ đồ quy trình:



2. Quy trình công bố thông tin:

Bước 1: Chuẩn bị công bố thông tin: Vào thời điểm kết thúc quý, năm tài chính hoặc khi phát sinh các sự kiện phải công bố theo quy định. Các phòng/ ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc phụ trách trực tiếp và các tổ chức/ cá nhân có liên quan liên hệ với người phụ trách công bố thông tin để biết rõ nội dung thông tin sẽ công bố, thời hạn công bố thông tin định kỳ và những nội dung cần CBTT 24 giờ và tiến hành hoàn chỉnh các tài liệu, báo cáo đầy đủ, kịp thời, chính xác và gửi các thông tin cần công bố định kỳ, 24 giờ cho lãnh đạo phụ trách bộ phận hoặc người phụ trách CBTT (thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).

Bước 2: Xử lý thông tin: Khi nhận được thông tin do các phòng/ ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc và tổ chức/ cá nhân có liên quan cung cấp, lãnh đạo phụ trách bộ phận hoặc người phụ trách CBTT phải kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định định về công bố thông tin và trình Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc phê duyệt theo thẩm quyền (thời gian xử lý thông tin sẽ được thông báo cụ thể tùy trường hợp của từng loại thông tin).

Bước 3: Phê duyệt thông tin: Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có thẩm quyền phê duyệt toàn bộ thông tin trước ngày CIC3-2 công bố theo quy định, (thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).

Bước 4: Công bố thông tin: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin đúng thời hạn quy định trên website của CIC3-2, Hệ thống IDS Plus của UBCKNN, gửi mail/fax cho SGDCK TP.HCM và/hoặc TTLKCK (nếu có) đồng thời gửi bản chính hợp lệ qua đường bưu điện theo đúng thời hạn quy định đối với nghĩa vụ công bố thông tin đã hướng dẫn trong Thông tư 155/2015/TT-BTC và Quyết định 340/QĐ-SGDHCM.

Bước 5: Kiểm tra việc công bố thông tin: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin kiểm tra việc nhận, đăng tải hoặc duyệt tài liệu công bố thông tin trên hệ thống IDS Plus của UBCKNN, SGDCK HCM và/hoặc TTLKCK (nếu có).

Bước 6: Bảo quản và lưu trữ thông tin: Các thông tin công bố định kỳ, bộ phận văn thư và các bộ phận có liên quan phải lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của CIC3-2 tối thiểu là 05 năm.

Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của CIC3-2 tối thiểu 05 năm.

Điều 9. Công bố thông tin định kỳ:

CIC3-2 thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định tại Điều 8 và Điều 11 Thông tư 155/2015/TT-BTC và Điều 7 Quy chế công bố thông tin của SGDCK ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM. Ngoài ra việc công bố thông tin định kỳ phải được phối hợp thực hiện giữa các bộ phận của CIC3-2 như sau:

STT	Loại Báo cáo	Danh mục tài liệu cần cung cấp và biểu mẫu	Đơn vị cung cấp và Thời gian chuẩn bị	Thời hạn CBTT
1	Báo cáo tài chính Quý	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng cân đối kế toán - Báo cáo kết quả kinh doanh, - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, - Bản thuyết minh BCTC - Giải trình số liệu chênh lệch theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 TT155 (nếu có). 	Phòng Tài chính chuẩn bị và cung cấp báo cáo hoàn chỉnh đã xét duyệt chậm nhất trong vòng 19 ngày	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý
2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng cân đối kế toán - Báo cáo kết quả kinh doanh, - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, - Bản thuyết minh BCTC, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình trong trường hợp có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu, 	Phòng Tài chính chuẩn bị và cung cấp báo cáo hoàn chỉnh đã xét duyệt chậm nhất trong vòng 3 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét.	Trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài

STT	Loại Báo cáo	Danh mục tài liệu cần cung cấp và biểu mẫu	Đơn vị cung cấp và Thời gian chuẩn bị	Thời hạn CBTT
		- Giải trình số liệu, kết quả kinh doanh theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 TT155 (nếu có).		chính
3	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	- Bảng cân đối kế toán - Báo cáo kết quả kinh doanh, - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, - Bản thuyết minh BCTC, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình trong trường hợp có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu, - Giải trình số liệu, kết quả kinh doanh theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 TT155 (nếu có).	Phòng Tài chính chuẩn bị và cung cấp báo cáo hoàn chỉnh đã xét duyệt chậm nhất trong vòng 5 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính và giải trình số liệu, kết quả kinh doanh theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 TT155 (nếu có)
4	Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng và năm.	Theo phụ lục số 05-TT155: I. Hoạt động của ĐHĐCĐ (thông tin về các cuộc họp, Nghị quyết của ĐHĐCĐ)	Thư ký chuẩn bị và cung cấp thông tin hoàn chỉnh chậm nhất trong vòng 20 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Thời hạn CBTT chậm nhất là (30) ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.
		II. HĐQT: 1. Thông tin về TV HĐQT. 2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban TGD	Thư ký chuẩn bị và cung cấp báo cáo hoàn chỉnh chậm nhất trong vòng 20 ngày	
		3. Hoạt động các Tiểu ban:	Tiểu ban CSPT; Tiểu ban NS; Tiểu ban KTNB chuẩn bị và cung cấp báo cáo hoàn chỉnh chậm nhất trong vòng 20 ngày.	
		4. Các NQ, QĐ của HĐQT	Thư ký chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trong vòng 20 ngày	
		III. Ban Kiểm soát	Không có	
		IV. Đào tạo về QTCT	Thư ký chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trong vòng 20 ngày	
		V. Danh sách về người có liên quan của Công ty và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty.	Thư ký chuẩn bị cung cấp chậm nhất trong vòng 20 ngày	
		VI. Giao dịch cổ phiếu của người NB và người CLQ của người NB	Thư ký chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trong vòng 20 ngày	
VII. Các vấn đề cần lưu ý khác.	Thư ký chuẩn bị cung cấp chậm nhất trong vòng 20			

STT	Loại Báo cáo	Danh mục tài liệu cần cung cấp và biểu mẫu	Đơn vị cung cấp và Thời gian chuẩn bị	Thời hạn CBTT
			ngày	
5	Bản cung cấp thông tin về QTCT 6 tháng đầu năm và cả năm	Theo mẫu CBTT/SGDHCM-03 và khảo sát trực tuyến theo đường link của SGDCK.	Thư ký chuẩn bị và cung cấp thông tin hoàn chỉnh chậm nhất trong vòng 20 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	Thời hạn CBTT chậm nhất là (30) ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.
6	Danh sách CDNN, CDCL, CDL và CPQ 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm	Theo mẫu CBTT/SGDHCM-04 và bản dữ liệu điện tử định dạng excel. Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/5 và trước ngày 30/11/XX	Thư ký chuẩn bị và cung cấp thông tin hoàn chỉnh chậm nhất trước ngày 10/6 và ngày 10/12	Gửi báo cáo cho SGDCK chậm nhất ngày 10/6 và ngày 10/12
		Theo Phụ lục số 04 – TT155 I. Thông tin chung: 1. Thông tin khái quát	Thư ký và Phòng NS chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
		2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	Phòng KD chuẩn bị và trình cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày	
		3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	Phòng NS và Phòng KD chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày	
		4. Định hướng phát triển. 5. Các rủi ro	Phòng KD chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày	
7	Báo cáo thường niên	II. Tình hình hoạt động trong năm: 1. Tình hình hoạt động SXKD	Phòng KD và Phòng TC chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trong vòng 80 ngày	Công bố chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
		2. Tổ chức và nhân sự	Phòng NS chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày	
		3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	Phòng ĐTXD và Phòng KD chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày	
		4. Tình hình tài chính	Phòng TC và Phòng KD chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trong vòng 85 ngày	
		5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thư ký chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày	

STT	Loại Báo cáo	Danh mục tài liệu cần cung cấp và biểu mẫu	Đơn vị cung cấp và Thời gian chuẩn bị	Thời hạn CBTT
		<p>III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc</p> <p>1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD.</p> <p>2. Tình hình tài chính</p>	Phòng KD và Phòng TC chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trong vòng 85 ngày	
		3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.	Phòng KD, Phòng TC và Phòng NS chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày	
		4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	Phòng KD chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày	
		5. Giải trình của Ban TGD với ý kiến kiểm toán (nếu có) – (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)	Ban TGD chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trong vòng 85 ngày	
		6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	Phòng NS chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày	
		<p>IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty</p> <p>1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty.</p> <p>2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc.</p> <p>3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT.</p>	Thư ký và Phòng KD chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày	
		<p>V. Quản trị công ty:</p> <p>1. HĐQT:</p> <p>a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT.</p> <p>b. Các tiểu ban thuộc HĐQT.</p> <p>c. Hoạt động của HĐQT.</p>	Tiểu ban CSPT; Tiểu ban NS và Tiểu ban KTNB chuẩn bị và cung cấp báo cáo hoàn chỉnh chậm nhất trong vòng 60 ngày	
		d. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập.	TV độc lập HĐQT chuẩn bị và cung cấp báo cáo hoàn chỉnh chậm nhất trong vòng 60 ngày	
		e. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về QTCT và tham gia các chương trình về QTCT trong năm	Thư ký chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày	
		2. Ban Kiểm soát	Không có	
		<p>3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc:</p> <p>a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích</p>	Phòng NS chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày	

STT	Loại Báo cáo	Danh mục tài liệu cần cung cấp và biểu mẫu	Đơn vị cung cấp và Thời gian chuẩn bị	Thời hạn CBTT
		<p>b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.</p> <p>c. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ.</p> <p>d. Việc thực hiện các quy định về QTCT.</p>	<p>Thư ký chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày</p>	
		<p>VI. Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán</p>	<p>Phòng Tài chính chuẩn bị và cung cấp báo cáo hoàn chỉnh đã xét duyệt chậm nhất trong vòng 5 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.</p>	
		<p>1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:</p> <p>a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm</p>	<p>Phòng ĐTXD, XN Đá và XN Cống chuẩn bị số liệu và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	
		<p>b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức</p>	<p>Phòng ĐTXD, XN Đá và XN Cống chuẩn bị số liệu và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày</p>	
		<p>2. Tiêu thụ năng lượng:</p> <p>a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp</p>	<p>Phòng TC chuẩn bị số liệu và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày</p>	
		<p>b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả</p>	<p>Phòng NS chuẩn bị số liệu và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày</p>	
8	Báo cáo phát triển bền vững	<p>c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này</p>	<p>Phòng NS chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày</p>	<p>Công bố chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>
		<p>3. Tiêu thụ nước:</p> <p>a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng</p> <p>b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/</p>	<p>Phòng TC, Phòng ĐTXD, XN Đá và XN Cống chuẩn bị số liệu và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày</p>	
		<p>4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường</p> <p>a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường</p>	<p>Phòng NS và Phòng TC chuẩn bị số liệu và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày</p>	
		<p>b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường</p>	<p>Phòng NS và Phòng TC chuẩn bị số liệu và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày</p>	

STT	Loại Báo cáo	Danh mục tài liệu cần cung cấp và biểu mẫu	Đơn vị cung cấp và Thời gian chuẩn bị	Thời hạn CBTT
		<p>5. Chính sách liên quan đến người lao động</p> <p>a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động</p>	Phòng NS chuẩn bị số liệu và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày	
		b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động	Phòng NS chuẩn bị báo cáo và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày	
		<p>c) Hoạt động đào tạo người lao động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên - Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp 	Phòng NS chuẩn bị số liệu và báo cáo cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày	
		<p>6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương</p> <p>Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng</p>	Phòng NS và Phòng TC chuẩn bị số liệu và cung cấp chậm nhất trong vòng 60 ngày	
		<p>7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN</p>	Bộ phận phụ trách trực tiếp	
9	Họp ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường	<p>1. HĐQT đưa ra các quyết định triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và quyết định các vấn đề như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ; - ngày đăng ký cuối cùng (ĐKCC); - Chương trình và nội dung cuộc họp; - Các thủ tục trong việc thông báo mời họp ĐHĐCĐ tới các cổ đông. 	Thư ký chuẩn bị ra Nghị quyết, trình phê duyệt và cung cấp chậm nhất trong vòng 20 giờ sau khi kết thúc cuộc họp HĐQT.	CBTT trong vòng 24 giờ Nghị quyết HĐQT v/v triệu tập ĐHĐCĐ thường niên trước ngày ĐKCC tối thiểu 20 ngày.
		2. Thông báo cho VSD chốt danh sách cổ đông (theo mẫu 07/THQ)	Thư ký chuẩn bị lập Thông báo, trình phê duyệt và cung cấp chậm nhất trước ngày ĐKCC ít nhất 10 ngày làm việc	Chậm nhất 7 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, gửi Thông báo chốt danh sách cho VSD.
		3. Tài liệu họp ĐHĐCĐ:	Thư ký tập họp đầy đủ tài liệu họp, trình phê duyệt và cung cấp chậm nhất trước ngày khai mạc họp ít nhất 15 ngày	Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ phải CBTT trên trang thông tin điện tử của Công ty, UBCKNN, SGDCK và gửi thư cho cổ đông nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp
		<ul style="list-style-type: none"> a. Thông báo mời họp. b. Chương trình Đại hội. c. Giấy xác nhận/ủy quyền tham dự Đại hội. 	Thư ký chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trước ngày khai mạc Đại hội ít nhất 20 ngày	

6223
 TỶ
 ỨNG
 DỤNG
 NH DƯ

STT	Loại Báo cáo	Danh mục tài liệu cần cung cấp và biểu mẫu	Đơn vị cung cấp và Thời gian chuẩn bị	Thời hạn CBTT
		d. Quy chế làm việc của Đại hội	Phòng NS chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trước ngày khai mạc Đại hội ít nhất 20 ngày	ĐHĐCĐ thường niên.
		e. Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán	Phòng TC cung cấp Báo cáo hoàn chỉnh chậm nhất trước ngày khai mạc Đại hội ít nhất 20 ngày	
		f. Báo cáo tình hình QTCT năm	Thư ký cung cấp Báo cáo hoàn chỉnh chậm nhất trước ngày khai mạc Đại hội ít nhất 20 ngày	
		g. Báo cáo hoạt động của HĐQT	Thư ký chuẩn bị và cung cấp Báo cáo hoàn chỉnh chậm nhất trước ngày khai mạc Đại hội ít nhất 20 ngày	
		h. Báo cáo của Tiểu ban kiểm toán	Trưởng Tiểu ban cung cấp Báo cáo hoàn chỉnh chậm nhất trước ngày khai mạc Đại hội ít nhất 20 ngày	
		i. Các Tờ trình của HĐQT	Lãnh đạo phụ trách trực tiếp các phòng/ban chuẩn bị và cung cấp cho Thư ký tập hợp chậm nhất trước ngày khai mạc Đại hội ít nhất 20 ngày	
		j. Dự thảo sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty và Quy chế	Phòng NS chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trước ngày khai mạc Đại hội ít nhất 20 ngày	
		k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT: -Mẫu Sơ yếu lý lịch ứng viên HĐQT -Bản kê chứng minh tính độc lập -Quy chế bầu cử thành viên HĐQT -Phiếu ứng cử thành viên HĐQT -Phiếu đề cử thành viên HĐQT -Mẫu Biên bản họp nhóm cổ đông đề cử ứng viên HĐQT	Phòng NS chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trước ngày khai mạc Đại hội ít nhất 20 ngày	
		- Phiếu kiểm tra đăng ký cổ đông tham dự - Thẻ biểu quyết - Phiếu biểu quyết - Phiếu bầu cử - Biên bản kiểm tra đăng ký cổ đông - Biên bản kiểm phiếu biểu quyết - Biên bản kiểm phiếu bầu cử	Tiểu ban kiểm phiếu	

STT	Loại Báo cáo	Danh mục tài liệu cần cung cấp và biểu mẫu	Đơn vị cung cấp và Thời gian chuẩn bị	Thời hạn CBTT
		- Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên	Thư ký chuẩn bị và cung cấp chậm nhất trước ngày khai mạc Đại hội ít nhất 20 ngày	
		4. Biên bản họp, Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên	Tiểu ban Thư ký Đại hội hoàn thiện, trình phê duyệt và cung cấp chậm nhất trong vòng 20 giờ sau khi ĐHĐCĐ thông qua.	CBTT trong vòng 24 giờ sau khi ĐHĐCĐ thông qua.
10	Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	Định kỳ sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	Bộ phận phụ trách trực tiếp chuẩn bị và trình phê duyệt trước 30 ngày định kỳ 6 tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	Định kỳ (06) tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng
11	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Khi có các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Bộ phận phụ trách trực tiếp chuẩn bị, trình phê duyệt và CBTT trong vòng 24 giờ	Trong thời hạn một (01) ngày làm việc kể từ khi nhận được xác nhận của UBCKNN, Công ty phải CBTT trên website của công ty và thông báo với SGĐCK, TTLKCK về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty

Điều 10. Công bố thông tin bất thường:

Các phòng/ ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc phụ trách trực tiếp và các tổ chức/ cá nhân có liên quan phối hợp thực hiện ngay trong ngày khi phát sinh các nội dung liên quan đến việc CBTT bất thường trong vòng 24 giờ:

STT	Nội dung	Đơn vị, Bộ phận có liên quan cung cấp hồ sơ CBTT
1	CIC3-2 phải CBTT bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:	
	a. Tài khoản của CIC3-2 tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính CIC3-2.	Phòng TC
	b. Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.	Phòng NS

STT	Nội dung	Đơn vị, Bộ phận có liên quan cung cấp hồ sơ CBTT
	c. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;	Phòng Nhân sự, Thư ký
	d. Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;	Thư ký, Phòng KD
	đ. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;	Thư ký
	e. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của CIC3-2;	Phòng NS, Phòng TC, Phòng KD,
	g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của CIC3-2; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;	Phòng TC,
	h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;	TGD, Phòng KD, Phòng TC, Phòng NS.
	i) Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;	TGD, các Phòng, XN khi phát sinh hợp đồng, giao dịch
	k) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;	Phòng KD, Thư ký.
	l) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau: - Trường hợp CIC3-2 phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm CIC3-2 báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; - Trường hợp CIC3-2 giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm CIC3-2 báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ; - Trường hợp CIC3-2 mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong CIC3-2 hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, CIC3-2 CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày	Công ty tư vấn, Văn thư công ty

STT	Nội dung	Đơn vị, Bộ phận có liên quan cung cấp hồ sơ CBTT
	công bố thông tin;	
	m) Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của CIC3-2 được sửa đổi, bổ sung;	Pháp lý, Văn thư
	<p>n) CIC3-2 thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, CIC3-2 gửi cho UBCKNN, SGDCK nơi CIC3-2 niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có đơn xin từ nhiệm khi chưa được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông, CIC3-2 thực hiện công bố đơn xin từ nhiệm trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được đơn xin từ nhiệm. - Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi nhân sự, CIC3-2 gửi cho SGDCK Bản cung cấp thông tin (trường hợp bổ nhiệm người nội bộ mới) theo Phụ lục số 03 kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC và Danh sách người nội bộ và người có liên quan theo mẫu CBTT/SGDHCM-05 kèm theo Quy chế công bố thông tin của SGDCK TP.HCM. - Trường hợp có sự thay đổi người có liên quan của người nội bộ, CIC3-2 báo cáo cho SGDCK về thay đổi người có liên quan của người nội bộ theo mẫu CBTT/SGDHCM-06 kèm theo Quy chế công bố thông tin của SGDCK trong vòng ba ngày làm việc kể từ ngày thay đổi. 	Người nội bộ theo quy định tại Khoản 5, Điều 2 Thông tư 155/TT-BTC
	o) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của CIC3-2.	Phòng NS, Văn thư
	p) Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của CIC3-2; kết luận của cơ quan thuế về việc CIC3-2 vi phạm pháp luật về thuế.	Phòng NS, Phòng TC, Văn thư.
	<p>q) Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của CIC3-2 có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của CIC3-2 đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, CIC3-2 công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét. 	Phòng TC
	r) CIC3-2 nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Phòng NS, Văn thư
	s) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của CIC3-2.	TGD, Phòng NS
	t) Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.	Phòng TC,
	u) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng	TGD Phòng TC,

STT	Nội dung	Đơn vị, Bộ phận có liên quan cung cấp hồ sơ CBTT
	<p>tài sản của CIC3-2 tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của CIC3-2 tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.</p>	Phòng KD, Phòng ĐTXD.
	<p>v) Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Nước ngoài.</p>	Văn thư, Phòng Nhân sự
2	<p>Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <p>a) Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư 155.</p> <p>b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, CIC3-2 phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.</p>	Bộ phận phụ trách trực tiếp, Thư ký công ty
3	<p>Khi công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều này, CIC3-2 phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).</p>	Bộ phận phụ trách trực tiếp, Thư ký công ty
4	<p>Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.</p> <p>a) CIC3-2 báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho TTLKCK, SGDCK, báo cáo UBCKNN, đồng thời công bố thông tin chậm nhất (10) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.</p> <p>b) CIC3-2 gửi cho SGDCK, UBCKNN chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng (dự kiến) các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CIC3-2 công bố thông tin Nghị quyết/Quyết định về ngày đăng ký cuối cùng, ngày thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu. - Thông báo của CIC3-2 về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền theo mẫu quy định của TTLKCK. - Các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan (nếu có). <p>c) Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CIC3-2 công bố thông tin và gửi thông báo cho SGDCK, UBCKNN nêu rõ lý do hủy chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>d) Ngoài ra, trong vòng 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng, CIC3-2 gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một (01) bản tóm tắt sổ cổ đông của CIC3-2 tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền theo mẫu CBTT/SGDHCM-09 kèm theo Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM. 	Thư ký Thư ký Thư ký

STT	Nội dung	Đơn vị, Bộ phận có liên quan cung cấp hồ sơ CBTT
	- Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền.	
5	Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:	
	a) Sau khi thay đổi kỳ kế toán, CIC3-2 công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;	Phòng TC
	b) Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, CIC3-2 công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;	Phòng NS, Phòng TC
	c) Sau khi chia, tách, sáp nhập, công ty đại chúng là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.	Phòng TC
6	d) CIC3-2 đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính phải công bố thông tin sau khi đăng ký lại loại báo cáo tài chính khi thay đổi mô hình công ty (do tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết, dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc thành lập, giải thể đơn vị trực thuộc) theo mẫu CBTT/SGDHCM-07 kèm theo Quy chế công bố thông tin của SGDC.	Phòng TC
7	e) Trường hợp CIC3-2 có Báo cáo tài chính riêng/ hợp nhất/ tổng hợp, các chỉ tiêu về vốn góp của chủ sở hữu, tổng tài sản tại Báo cáo tài chính để thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC được xem xét là số nhỏ hơn giữa Báo cáo tài chính riêng/ hợp nhất/ tổng hợp.	Phòng TC

Điều 11. Công bố thông tin theo yêu cầu:

STT	Nội dung	Đơn vị, Bộ phận có liên quan cung cấp hồ sơ CBTT
1	CIC3-2 phải CBTT trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDC trong các sự kiện sau đây:	
	a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	TGD
	b) Có thông tin liên quan đến CIC3-2 ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	TGD, Phòng NS, Phòng KD
2	Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDC yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của CIC3-2 về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).	Bộ phận phụ trách trực tiếp, Thư ký công ty

Chương III

CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC PHẢI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 12. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) hoặc khi không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên cổ phiếu của CIC3-2:

STT	Nội dung	Đơn vị, Bộ phận có liên quan cung cấp hồ sơ CBTT
1	Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của CIC3-2; hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho UBCKNN, SGDCK và CIC3-2 theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC trong thời hạn (07) ngày, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.	
2	Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của CIC3-2, khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...) phải công bố thông tin và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và CIC3-2 trong thời hạn (07) ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC. Việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu vượt quá các ngưỡng 1% nêu trên được xác định tại các ngưỡng 6%, 7%, 8%...(không căn cứ trên tỷ lệ sở hữu của lần báo cáo gần nhất).	Cổ đông lớn, Nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên
3	Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu trên được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại Khoản 14 Điều 2 Thông tư 155/2015/TT-BTC.	
4	Quy định này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do CIC3-2 giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.	
5	CIC3-2 công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng (03) ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.	Văn thư Thư ký

Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng:

STT	Nội dung	Đơn vị, Bộ phận có liên quan cung cấp hồ sơ CBTT
	Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 119 Luật Doanh nghiệp và thực hiện công bố thông tin theo Quy định sau:	

STT	Nội dung	Đơn vị, Bộ phận có liên quan cung cấp hồ sơ CBTT
1	Chậm nhất là (03) ngày làm việc trước khi thực hiện giao dịch, cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật về doanh nghiệp phải gửi báo cáo cho UBCKNN, SGDCK, TTLKCK và CIC3-2 về việc thực hiện giao dịch theo Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC. Trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện chuyển nhượng phải gửi bổ sung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chuyển nhượng nêu trên.	
2	Trong thời hạn (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, cổ đông sáng lập phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch), TTLKCK và CIC3-2 về kết quả thực hiện giao dịch đồng thời giải trình lý do không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC.	Cổ đông sáng lập
3	Trong vòng (03) ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông sáng lập theo quy định tại Điều này, CIC3-2 công bố trên trang thông tin điện tử của CIC3-2.	



Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của CIC3-2 và người có liên quan của người nội bộ, công ty mẹ và các tổ chức chính trị - xã hội của CIC3-2.

STT	Nội dung	Đơn vị, Bộ phận có liên quan cung cấp hồ sơ CBTT
1	<p>Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là (03) ngày làm việc, người nội bộ của CIC3-2 và người có liên quan phải công bố thông tin và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và CIC3-2 về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của CIC3-2, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...) theo Phụ lục số 10 hoặc Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá (30) ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ SGDCK.</p> <p>Người nội bộ của CIC3-2 và người có liên quan của các đối tượng này không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của CIC3-2 trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.</p> <p>SGDCK sẽ thực hiện điều chỉnh thời gian dự kiến giao dịch tại Thông báo giao dịch chứng khoán cho phù hợp với quy định hiện hành. Các đối tượng này có trách nhiệm theo dõi website của SGDCK và thực hiện giao dịch theo đúng thời gian quy định.</p>	Người nội bộ và người có liên của người nội bộ
2	Trong thời hạn (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của CIC3-2 và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và CIC3-2 về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu	

STT	Nội dung	Đơn vị, Bộ phận có liên quan cung cấp hồ sơ CBTT
	có) theo Phụ lục số 12 hoặc Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC.	
	Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.	
3	Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của CIC3-2 hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều này.	
4	Trường hợp người nội bộ của CIC3-2 hoặc người có liên quan của các đối tượng này đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.	
5	Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của CIC3-2 khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và CIC3-2 kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.	
6	Trường hợp công ty mẹ của CIC3-2 hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của CIC3-2 (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của CIC3-2 phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ tại Khoản 1, 2, 3 Điều này.	
7	Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, CIC3-2 phải công bố trên trang thông tin điện tử của CIC3-2.	Văn thư Thư ký

Điều 15. Công bố thông tin về nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan

STT	Nội dung	Đơn vị, Bộ phận có liên quan cung cấp hồ sơ CBTT
1	Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC, Thông tư 123/2015/TT-BTC và pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan
2	Đối với nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan, nghĩa vụ công bố thông tin của nhóm này căn cứ trên tổng tỷ lệ sở hữu của cả nhóm mà không căn cứ trên tỷ lệ sở hữu của từng thành viên trong nhóm.	

Điều 16. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

STT	Nội dung	Đơn vị, Bộ phận có liên quan cung cấp hồ sơ CBTT
1	CIC3-2 khi giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện công bố thông tin theo quy định của Nghị định 58/2012/NĐ-CP, Nghị định 60/2015/NĐ-CP, Điều 31 Thông tư 155/2015/TT-BTC, Chương V Thông tư 162/2015/TT-BTC; Khoản 4 Điều 8 Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.	Phòng TC, Phòng KD, Thư ký.
2	CIC3-2 công bố thông tin cho SGDCK trong thời hạn 24 giờ khi nhận được công văn của UBCKNN về chấp thuận hoặc không chấp thuận việc giao dịch cổ phiếu quỹ.	Văn thư, Thư ký
3	Trường hợp CIC3-2 mua lại cổ phiếu của chính CIC3-2, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì CIC3-2 phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.	Phòng KD, Phòng TC.

Điều 17. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

STT	Nội dung	Đơn vị, Bộ phận có liên quan cung cấp hồ sơ CBTT
	Các tổ chức và cá nhân có liên quan đến giao dịch chào mua công khai thực hiện công bố thông tin như sau:	
1	CIC3-2 là công ty mục tiêu, thực hiện công bố thông tin về việc chào mua công khai theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 và Điều 44 Nghị định 58/2012/NĐ-CP	Văn thư, Thư ký
2	Tổ chức, cá nhân chào mua công khai chứng khoán CIC3-2 thực hiện công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai theo quy định tại Khoản 1 Điều 50 Nghị định 58/2012/NĐ-CP và Khoản 6 Điều 51 Thông tư 162/2015/TT-BTC.	
3	Tổ chức, cá nhân chào mua công khai chứng khoán CIC3-2 công bố thông tin việc điều chỉnh tăng giá chào mua công khai thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định 58/2012/NĐ-CP, và gửi thông tin công bố đến SGDCK ít nhất (07) ngày trước khi kết thúc đợt chào mua.	
4	Tổ chức, cá nhân chào mua rút lại đề nghị chào mua công khai chứng khoán CIC3-2 theo quy định tại Khoản 2 Điều 49 Nghị định 58/2012/NĐ-CP thực hiện công bố thông tin như sau:	Tổ chức, cá nhân chào mua công khai chứng khoán CIC3-2
	a. Báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc rút lại đề nghị chào mua chứng khoán đang niêm yết.	
	b. Công bố thông tin cho SGDCK trong thời hạn 24 giờ sau khi nhận được công văn chấp thuận hoặc không chấp thuận của UBCKNN.	
	c. Công bố thông tin về việc rút lại đề nghị chào mua trên 01 trang báo điện tử hoặc 01 tờ báo viết trong 03 số liên tiếp sau khi được UBCKNN chấp thuận.	
5	Tổ chức, cá nhân chào mua công khai chứng khoán CIC3-2 công bố thông tin việc tiếp tục chào mua công khai theo quy định tại Điều 51 Nghị định 58/2012/NĐ-CP	

16225-
GTY
PHÂN
XÂY DỰ
3-2
1N-T. BINH

STT	Nội dung	Đơn vị, Bộ phận có liên quan cung cấp hồ sơ CBTT
	Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai gửi thông báo đến UBCKNN và gửi thông tin công bố đến SGDCK về việc tiếp tục chào mua công khai trong thời hạn (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt chào mua công khai	
6	<p>Tổ chức, cá nhân chào mua công khai chứng khoán CIC3-2 công bố thông tin về kết quả chào mua công khai chứng khoán đang niêm yết thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định 58/2012/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 52 Thông tư 162/2015/TT-BTC và thực hiện công bố thông tin như sau:</p> <p>Trong thời hạn (05) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai, tổ chức hoặc cá nhân thực hiện chào mua công khai thực hiện:</p> <p>a. Báo cáo UBCKNN và SGDCK về kết quả chào mua công khai. Báo cáo kết quả chào mua công khai được lập theo Phụ lục số 30 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC.</p> <p>b. Công bố thông tin về kết quả chào mua công khai trên website của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.</p>	

Điều 18. Thẩm quyền xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư 155/2015/TT-BTC và Điều 25 Điều 26 Quy chế công bố thông tin của SGDCK ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM.

2. CIC3-2 có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các phòng/ ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc phụ trách trực tiếp, cá nhân được quy định tại Quy chế này.

Điều 19. Các hình thức xử lý vi phạm

Các phòng/ ban chuyên môn, cá nhân, đơn vị trực thuộc phụ trách trực tiếp thuộc CIC3-2 có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật liên quan đến việc thực hiện và công bố thông tin gây thiệt hại cho CIC3-2 thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm của từng trường hợp cụ thể CIC3-2 sẽ quyết định hình thức xử lý vi phạm.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy chế này có trách nhiệm triển khai thực hiện.

2. CIC3-2 thực hiện giám sát việc tuân thủ Quy chế này đối với các nội dung công bố thông tin và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Trường hợp có các quy định pháp luật về công bố thông tin chưa được đề cập tại Quy chế này hoặc có các quy định pháp luật mới ban hành khác với Quy chế này thì các đối tượng nêu tại Điều 1 Quy chế này phải tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin được nêu tại các quy định pháp luật đó.

4. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Chủ tịch HĐQT CIC3-2 quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị CIC3-2 thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Handwritten signature

Võ Văn Lãnh

